TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2020/HS- ST
Ngày 10-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc S
Ông Trần Anh D
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên .

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLST- HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lưu Văn D, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1997

Tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Văn M (đã chết) và bà: Bùi Thị Nh; vợ: Đỗ Thị Q; con: có 01 con, sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 16/8/2013, chủ tịch UBND huyện T có Quyết định về việc đưa người vào trường giáo dưỡng đối với Lưu Văn D, thời gian chấp hành 6 tháng. Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974

Tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà: Lưu Thị H; vợ: Diêm Thị Th; con: có 01 con, sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo đầu thú được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2020 (có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại:
- Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1989 (có mặt)
- Anh Giáp Văn H, sinh năm 1985 (có mặt)

Chị Trần Thị Kim L do anh Giáp Văn H đại diện theo ủy quyền.
Đều cư trú: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B.
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1999 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B;
- Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Nơi cư trú: phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;
- Bà Đỗ Thi Ng, sinh năm 1951 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B.
* Người làm chứng:
- Bà Trần Thị H, sinh năm 1952 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn U, xã V, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/3/2020, Lưu Văn D - sinh năm 1997, trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B đi bộ quanh làng để xem nhà ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu. Khi đi qua nhà anh Giáp Văn H – sinh năm 1985 ở cùng thôn không có cổng, cửa nhà khóa đoán không có ai ở nhà nên D đi vào nhà anh H để trộm cắp tài sản. D đi vòng ra phía sau nhà và ngồi ở gốc cây vải thiều để quan sát xem nhà có ai không, khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày sau khi quan sát thấy nhà anh H không có ai ở nhà, D tiếp tục đi vào cửa nhà anh H thấy cửa chính đóng, cửa sổ bếp mở, D phát hiện thấy trên cửa số bếp có một chiếc kìm sắt có tay cầm bọc nhựa màu đỏ, D lấy chiếc kìm cầm ở tay đi lên cửa chính nhà anh H, sau đó D dùng kìm cắt vòng tròn khuy cửa nhà anh H, khi cắt được vòng tròn khuy cửa, D tiếp tục dùng kìm bẩy rộng khuy cửa ra, sau đó tháo khóa cửa. Khi tháo được khóa cửa D mở cánh cửa đi vào trong nhà anh H và kép cửa lại, D quan sát trong nhà thấy phía bên phải hướng từ cửa chính vào có một chiếc tủ gỗ màu nâu đen, D tiến lại chiếc tủ để lục soát. Khi kiểm tra thấy chiếc tủ có cánh bên phải khép (theo hướng từ ngoài vào) không khóa D mở cánh tủ ra, bên trong trên ngăn tủ thứ hai có một chiếc ví màu hồng, bên trong có 1.000.000 đồn, gồm 5 tờ tiền có mệnh giá 200.000 đồng và một số giấy tờ. D lấy hết tiền đút vào túi quần bên phải và vứt ví xuống đất. Sau đó D tiếp tục mở cánh tủ còn lại nhưng do cánh tủ khóa nên D không mở được, D đi qua của lách xuống khu vực bếp nhà anh H lấy 01 con dao, loại dao chặt, màu đen có kích thước 43x5cm để ở cửa lách sang bếp ăn của gia đình anh H quay lại chỗ tủ, dùng con dao lách vào khe cánh tủ cạnh ổ khóa và cậy bật cánh cửa tủ còn lại ra. Khi cánh cửa tủ bật ra, trên ngăn tủ thứ hai có một con lợn nhựa tiết kiệm màu hồng đặt trên chiếc túi xách màu đỏ, D cầm con lợn nhựa lắc nhẹ thấy có tiếng động đoán có tiền, D đặt xuống đất, sau đó mở chiếc túi xách màu đỏ ra thấy trong túi xách có 3 chiếc nhẫn và 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng. D lấy toàn bộ số trang sức đút vào túi quần bên phải, sau đó vứt

chiếc túi xách xuống nền nhà rồi D ôm con lợn nhựa đi xuống khu vực bếp nhà anh H tìm đồ để cắt con lợn nhựa lấy tiền bên trong. Khi xuống đến bếp thấy có một chiếc kéo sắt để trên giá đựng đồ trong bếp, D lấy chiếc kéo lách vào khe đút tiền của con lợn và cắt một đoạn dài khoảng 4 đến 5 cm. Đúng lúc đó D nghe thấy có tiếng xe máy ở ngoài sân đoán là chủ nhà về nên D ôm con lợn nhựa tiết kiệm chạy vào nhà vệ sinh của nhà anh H, sau đó cất dấu đôi dép vào phía sau bồn cầu nhà vệ sinh với mục đích chui qua ô cửa sổ nhà vệ sịnh thoát ra ngoài nhưng cửa hẹp không chui ra được. Lúc này D nghe thấy tiếng gọi "mẹ ơi" đoán là H về. D ngó ra thấy anh H đi vào trong buồng thì D bỏ chạy qua cửa chính ra ngoài cổng và chạy về nhà Nguyễn Văn Ng - sinh năm 1974, trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B. Trên đường chạy D vừa chạy vừa dùng tay móc tiền trong con lợn nhựa hai lần, khi móc được tiền D cầm tiền ở tay và vứt vỏ con lợn nhựa ở rìa đường bên phải theo hướng D chạy. Khi D chạy đến nhà Ng gặp Ng, D nói "Bác ơi cho con trốn nhờ" Ng hỏi D "thế mày làm sao?". D nói "cháu vừa ăn trộm bên kia". Ng chỉ tay và bảo D "chạy vào trong kia". Sau đó, D chạy vào buồng ngủ nhà Ng và chui xuống gầm giường ẩn nấp. Lúc này anh H đuổi theo D chạy đến nhà Ng hỏi Ng "Anh có thấy thằng nào chạy vào đây không". Ng trả lời "Thấy chó cắn thì ra xem ai, không thấy ai chạy vào đây, ra sau nhà xem sao". Anh H đi ra sau nhà kiểm tra nhưng không thấy có ai thì đi về, khi anh H về, Ng ra cổng đứng đó khoảng 10 phút với mục đích nghe ngóng xem có ai tìm D hay không. Sau đó, Ng đi vào nhà uống nước và ra vườn rạc cỏ. Khoảng 30 phút sau Ng đi vào nhà gặp D, Ng có hỏi D "mày lấy được nhiều không?" D nói "gần chục" (ý D nói là trộm cắp được gần 10.000.000 đồng). Sau đó, D để toàn bộ số tiền trộm cắp được ra nền đất cùng Ng ngồi đếm được tổng số tiền 8.500.000 đồng, quá trình đếm Ng có nhìn thấy tờ tiền 10.000 đồng (là tiền của gia đình Ng rơi ở gần vị trí D ngồi) Ng nói "a 10.000 đồng" và đút vào túi. Khi đếm xong Ng nói với D "cho mấy trăm mua đồ" ý là cho Ng mấy trăm mua ma túy để sử dụng, D đồng ý và đưa cho Ng 500.000 đồng. Lúc này có Lương Cao H – sinh năm 1978, trú tại Kh, thị trấn C, huyện T, tỉnh B đến chơi, D tiếp tục chui vào gầm giường nhà Ng nằm ẩn nấp, còn Ng ra ngồi nói chuyện với H. Ng đưa cho H 550.000 đồng để H đi mua ma túy. H đi khoảng một giờ đồng hồ thì về và cùng Ng đi xuống bếp nhà Ng sử dụng ma túy, khoảng 15 phút sau H ra về còn Ng đi lên nhà uống nước và ra vườn rạc cỏ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D ra về, trước khi về D có rút một số tiền đưa cho Ng, Ng cầm tiền và đưa lại cho D 3 tờ mệnh giá 200.000 đồng và nói "tao chỉ lấy bằng này thôi", sau đó D về, Ng đếm lại số tiền D đưa cho Ngọc là 3.300.000 đồng, toàn bộ số tiền Ng cầm của D, Ng đã ăn tiêu cá nhân hết, còn D trên đường về gần đến nhà D bỏ tiền trộm cắp được ra đếm còn 4.700.000 đồng, số tiền này D ăn tiêu cá nhân hết. Số nhẫn và khuyên tai bằng kim loại màu vàng D cho vào trong 01 chiếc túi nilon màu trắng và cất ở trong túi quần đang mặc trên người. Ngày 19/3/2020, D gặp Đinh Văn Q- sinh năm 1999, trú tại thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B là bạn của D, D đưa cho Q 1 túi nilon màu trắng bên trong có 3 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng và 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng đồng thời bảo Q là vàng của vợ D và

nhờ D đi bán hộ. Q cầm 3 chiếc nhẫn đến cửa hàng vàng bạc "Ng Q" ở số nhà 51, đường C, thị trấn C, huyện T, tỉnh B gặp chị Nguyễn Thị Vân A - sinh năm 1993 là chủ cửa hàng Q bán cho chị Vân A được 2 chiếc nhẫn với giá 870.000 đồng, còn lại 1 chiếc nhẫn và 1 đôi khuyên tai chị Vân A kiểm tra bảo đó không phải là vàng nên chị Vân A không mua. Khi bán vàng xong, Q thông báo toàn bộ nội dung sự việc cho D biết, do trước đó D còn nợ tiền Q nên D bảo Q cứ cầm lấy, nên Q giữ số tiền 870.000 đồng cùng 01 chiếc nhẫn và 01 đôi khuyên tai.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 17/3/2020, anh Giáp Văn H đã trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Ngày 17/3/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tổ chức khám nghiệm hiện trường. Qúa trình khám nghiệm hiện trường đã thu giữ tại mặt đất phòng ngủ nhà anh H: 01 túi xách màu đỏ loại có quai đeo bằng kim loại màu trắng kích thước (24 x 12) cm; 01 ví cầm tay màu hồng kích thước (19x9)cm. Thu giữ tại nhà vệ sinh: 01 nắp bồn cầu bằng sứ, màu trắng bị vỡ làm 4 mảnh không rõ hình và 01 đôi dép loại dép lê quai màu đen viền đế màu đỏ, lòng đế dép màu đen. Đối với đôi dép, chiếc ví, chiếc túi nêu trên được niêm phong trong một túi nilon màu đỏ. Đối với nắp bồn cầu bị vỡ được niêm phong trong 01 hộp caton màu đỏ, trắng bên ngoài có chữ "SHARP".

Ngày 20/3/2020, Lưu Văn D và Nguyễn Văn Ng đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú. Quá trình đầu thú Lưu Văn D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điên thoại di động Noki màu đen N1280 có số imei 355904056537339 cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại Xiami Redmi có số imei2 866367045617400 cũ đã qua sử dụng.

Ngày 20/3/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lưu Văn D và Nguyễn Văn Ng, kết quả khám xét không thu giữ gì liên quuan đến vụ án.

Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo tài sản D nhờ Đinh Văn Q bán là tài sản do D trộm cắp mà có nên ngày 20/3/2020, Q đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện T: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong của nhẫn có khắc chữ, số "18KRGP", nhẫn có đường kính 1,8cm; 02 chiếc khuyên tai có đặc điểm giống nhau bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5cm được niêm phong trong phong bì ký hiệu 01 và số tiền 870.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu 03.

Cùng ngày 20/3/2020, chị Nguyễn Thị Vân A đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện T 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên trong hai chiếc nhẫn có ký hiệu VNJ và 10K (trong đó 01 chiếc nhẫn bị mất viên đá gắn trên chiếc nhẫn, còn lại 01 chiếc nhẫn có gắn viên đá hình tròn màu trắng trên chiếc nhẫn) được niêm phong trong phòng bì ký hiệu 02;

Ngày 21/3/2020, chị Đỗ Thị Q – sinh năm 1997, trú tại thôn , xã V, huyện T, tỉnh B là vợ của Lưu Văn D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện T 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đen, trên mũ có chữ PTS màu trắng.

Ngày 24/3/2020, anh Giáp Văn H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện T: 01 con lợn nhựa tiết kiệm màu hồng; 01 chiếc kéo có tay cầm màu cam có kích thức (20x13) cm; 01 con dao chặt màu đen có kích thước (4x43)cm.

Tại kết luận giám định số 1842 ngày 22/4/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

"Phong bì ký hiệu 01:

- 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt trong chiếc nhẫn có chữ "18KRGP" có tổng khối lượng: 1,11 gam (tính cả đá" là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Cu 63,82%; Zn 36,18%. Nhẫn có màu vàng do được mạ lớp vàng (Au) mỏng.

- 01 (một) đôi khuyên tai kim loại màu vàng mỗi chiếc đều được chế tác dạng vòng tròn treo 01 (một) quả cầu bên ngoài được bọc lớp kim loại màu vàng và đoạn dây kim loại màu vàng, cuối đoạn dây treo 01 (một) mảnh kim loại hình tròn màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng: 2,32 gam; gồm các phần:

+ Phần vòng tròn kim loại màu vàng, đoạn dây kim loại màu vàng và mảnh kim loại hình tròn màu vàng là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Cu 63,41%; Zn 36,59%.

+ Phần kim loại màu vàng bọc quả cầu là đồng (Cu), hàm lượng Cu 91,98%.

Khuyên tai có màu vàng do được mạ lớp màu vàng không chứa vàng kim loại.

Phong bì ký hiệu 02:

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có gắn 01 (một) viên đá không màu, mặt trong có chữ "VNJ 10K" gửi giám định có tổng khối lượng 1,36 gam (tính cả đá) là hợp kim của vàng (Au); bạc (Ag); đồng (Cu); kẽm (Zn); hàm lượng Au 41,37%; Ag 6,72%; Cu 41,97%; Zn 9,94%.

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có lỗ thủng, mặt trong có chữ "VNJ 10K" gửi giám định có khối lượng 1,12 gam là hợp kim của vàng (Âu), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Au 41,02%; Ag 7.85%; Cu 42,23%; Zn 8,90%"

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 29/KL-ĐGTS ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên kết luận:

"- 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt trong chiếc nhẫn có chữ "18KRGP" có tổng khối lượng: 1,11 gam (tính cả đá" là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Cu 63,82%; Zn 36,18%. Nhẫn có màu vàng do được mạ lớp vàng (Au) mỏng.

- 01 (một) đôi khuyên tai kim loại màu vàng mỗi chiếc đều được chế tác dạng vòng tròn treo 01 (một) quả cầu bên ngoài được bọc lớp kim loại màu vàng và đoạn dây kim loại màu vàng, cuối đoạn dây treo 01 (một) mảnh kim loại hình tròn màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng: 2,32 gam; gồm các phần:

+ Phần vòng tròn kim loại màu vàng, đoạn dây kim loại màu vàng và mảnh kim loại hình tròn màu vàng là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Cu 63,41%; Zn 36,59%.

+ Phần kim loại màu vàng bọc quả cầu là đồng (Cu), hàm lượng Cu 91,98%.

Khuyên tai có màu vàng do được mạ lớp màu vàng không chứa vàng kim loại.

Số tài sản trên mua mới có giá 50.000 đồng, do tài sản đã qua sử dụng Hội đồng xác định giá trị còn 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng chẵn).

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có gắn 01 (một) viên đá không màu, mặt trong có chữ "VNJ 10K" gửi giám định có tổng khối lượng 1,36 gam (tính cả đá) là hợp kim của vàng (Au); bạc (Ag); đồng (Cu); kẽm (Zn); hàm lượng Au 41,37%; Ag 6,72%; Cu 41,97%; Zn 9,94% có giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng chẵn).

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có lỗ thủng, mặt trong có chữ "VNJ 10K" gửi giám định có khối lượng 1,12 gam là hợp kim của vàng (Âu), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Au 41,02%; Ag 7.85%; Cu 42,23%; Zn 8,90% có giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng chẵn)

- Tổng giá trị tài sản: 1.020.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn".

Ngày 03/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T định giá 01 ống tiết kiệm bằng nhựa hình con lợn màu hồng, không xác định được nhãn hiệu và thời gian mua có giá bao nhiêu tiền.

Ngày 03/5/2020, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T có Công văn số 04 thông báo ý kiến định giá: Do không xác định được nhãn hiệu, thời gian mua vì vậy, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không đủ căn cứ để định giá.

Qúa trình làm việc với Cơ quan điều tra Công an huyện T, Nguyễn Văn Ng khai nhận bản thân Ng bị bệnh HIV, Cơ quan điều tra Công an huyện T tiến hành trưng cầu giám định đề nghị Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B giám định tình trạng bệnh của Nguyễn Văn Ng

Tại bản kết luận giám định pháp y số 9406 ngày 11/5/2020 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận: "Hiện tại Nguyễn Văn Ng bị bệnh HIV giai đoạn suy giảm tiến triển. Bệnh không phải là bệnh hiểm nghèo".

Quá trình điều tra Lưu Văn D và Nguyễn Văn Ng đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 15/6/2020 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Lưu Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ng về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Lưu Văn D.

Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Ng.

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2020. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ng phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", xử phạt bị cáo từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng, tình từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Ng cho UBND xã V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D, bị cáo Ng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận gì với kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại anh Giáp Văn H và chị Trần Thị Kim L trình bày: Ngày 16/3/2020 gia đình anh chị bị D lấy tiền; 03 chiếc nhẫn và 01 đôi khuyên tai. Đến nay anh chị đã được bà Đỗ Thị Ng là bà nội của bị cáo D bồi thường số tiền là 8.500.000 đồng và đã nhận các tài sản khác bị mất nên anh chị không có yêu cầu gì về phần bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D và bị cáo Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn Q trình bày: anh là bạn của bị cáo D, ngày 19/3/2020 bị cáo D có nhờ anh đi bán cho 03 chiếc nhẫn và 01 đôi khuyên tai. Anh không biết tài sản trên là do D trộm cắp, số tiền anh bán được là 870.000 đồng anh đã nộp cho cơ quan và đồng ý trả lại cho chị Nguyễn Thị Vân A số tiền trên.

Bà Đỗ Thị Ng trình bày: bà là bà nội của bị cáo D, sau khi bị cáo phạm tội, bị cáo D đã tác động để bà bồi thường cho bị hại nên bà đã bồi thường cho gia đình anh Giáp Văn H số tiền 8.500.000 đồng. Đến nay, bà không yêu cầu bị cáo D, bị cáo Ng phải trả lại số tiền bà đã bồi thường cho gia đình anh H.

Người làm chứng bà Trần Thị H trình bày: buổi sáng 16/3/2020, bà đang làm vườn ở nhà thì có một nam thanh niên đi trên đường gần khu vực nhà bà. Bà làm vườn đến khoảng 12 giờ trưa thì con trai bà là Giáp Văn H có hô hoán là ''mẹ ở bị cắt khóa rồi''. Bà có hô là ''trộm trộm''thì thanh niên đó bỏ chạy và con trai bà H đuổi theo nam thanh niên đó. Sau này bà được biết nam thanh niên đó đã vào nhà con trai bà để trộm cắp tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Vân A người có quyền lợi, nghĩa vụ liêu quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên chị A đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Quá trình điều tra anh H khai nhận số tiền mà gia đình anh tiết kiệm để trong con lợn nhựa là 12.300.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra Ng và D đều khẳng định khi D trộm cắp về đếm được 8.500.000 đồng, ngoài ra D khẳng định D không đánh rơi tiền trong lúc bỏ chạy. Do lời khai của D và anh H có mâu thuẫn nên Cơ quan điều tra Công an huyện T đã cho anh H đối chất với D nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của anh H ra không có căn cứ nào chứng minh trong con lợn nhựa tiết kiệm mà D trộm cắp có số tiền 12.300.000 đồng nên việc anh H khai mất số tiền 12.300.000 đồng là không có căn cứ. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/3/2020, tại nhà Giáp Văn H, sinh năm 1985 ở thôn C, xã V, huyện T, Lưu Văn D, sinh năm 1997, trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B có hành vi trộm cắp 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong của nhãn có khắc chữ, số "18KRGP", nhẫn có đường kính 1,8cm; 02 chiếc khuyên tai có đặc điểm giống nhau bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5cm; 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng bên trong hai chiếc nhẫn có ký hiệu VNJ và 10K trị giá 1.020.000 đồng và số tiền 8.500.000 đồng của gia đình anh Giáp Văn H.

Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 16/3/2020, tại nhà Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1974, trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh B, Nguyễn Văn Ng đã có hành vi tiêu thụ số tiền 3.800.000 đồng do Lưu Văn D phạm tội mà có.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo D đã lợi dụng khi gia đình anh H không có nhà. D đã có hành vi nén nút chiếm đoạt số tài sản của gia đình anh H trị giá 9.520.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Sau khi bị cáo D lấy được tiền của gia đình anh H đã đưa cho Nguyễn Văn Ng số tiền 3.800.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Ng biết số tiền mà D đưa cho là tiền do D vừa trộm cắp nhà anh H mà có nhưng vẫn cầm và chi tiêu và mục đích cá nhân hết nên

hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự . Do đó, bản cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: bị cáo Lưu Văn D là người có nhân thân xấu. Bị cáo D đã bị Chủ tịch UBND huyện T có Quyết định về việc đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn là 6 tháng.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: bị cáo D, bị cáo Ng không có tình tiết tăng nặng nào.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Các cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện phạm tội, các bị cáo đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo Lưu Văn D có ông ngoại là ông Bùi Văn S được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo D đã tác động gia đình để bồi thường cho gia đình anh H số tiền mà bị cáo trộm cắp. Gia đình bị cáo D đã tự nguyện nộp thay số tiền mà bị cáo D chiếm đoạt. Bị hại anh Giáp Văn H có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo D tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo Ng hiện đang là người bị bệnh HIV giai đoạn suy giảm tiến triển và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân chấp hành tốt pháp luật, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Về hình phạt bổ sung: bị cáo D không có thu nhập, không có tài sản gì. Bị cáo Ng là người đang bị bệnh HIV và đang phải điều trị bệnh nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với Đinh Văn Q khi được D nhờ bán bán nhẫn và khuyên tai D không nói cho Q biết đó là tài sản do D trộm cắp mà có nên Q không vi phạm pháp luật.

[6] Đối Đối với Nguyễn Thị Vân A khi mua nhẫn không biết đó là tài sản do D phạm tội mà có nên chị Nguyễn Thị Vân A không vi phạm pháp luật.

[7] Đối Đối với Lương Cao H người cùng Ng sử dụng trái phép chất ma túy ngày 16/3/2020, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng H vắng mặt tại địa phương Cơ quan điều tra không tiến hành làm việc được với H. Ngoài lời khai của Ng khai nhận sử dụng trái phép chất ma túy ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc Ng sử dụng trái phép chất ma túy, vì vậy Cơ quan điều tra Công an huyện T tách phần tài liệu liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lương Cao H và Nguyễn Văn Ng ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng: đối với 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong của nhãn có khắc chữ, số "18KRGP", nhẫn có đường kính 1,8cm; 02 chiếc khuyên tai có đặc điểm giống nhau bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 5cm; 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng bên trong hai chiếc nhẫn có ký hiệu VNJ và 10K; 01 túi xách màu đỏ loại có quai đeo bằng kim loại màu trắng kích thước (24 x 12) cm; 01 ví cầm tay màu hồng kích thước (19x9)cm; 01 nắp bồn cầu bằng sứ, màu trắng bị vỡ làm 4 mảnh không rõ hình; 01 con lợn nhựa tiết kiệm màu hồng; 01 chiếc kéo có tay cầm màu cam có kích thức (20x13) cm; 01 con dao chặt màu đen có kích thước (4x43)cm là tài sản của vợ chồng anh H. Ngày 18/5/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại các tài sản trên cho anh H quản lý sử dụng là có căn cứ.

Đối với 01 đôi dép loại dép lê quai màu đen viền đế màu đỏ, lòng đế dép màu đen; 01 mũ lưỡi trai màu đen, trên mũ có chữ PTS màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động Noki màu đen N1280 có số imei 355904056537339 cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại Xiami Redmi có số imei2 866367045617400 cũ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Lưu Văn D không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với chiếc kìm D sử dụng để cắt khóa D khai lấy tại cửa sổ bếp của nhà anh H. Tuy nhiên anh H khẳng định anh không để chiếc kìm nào ở cửa sổ và không có chiếc kìm nào có đặc điểm như D miêu tả. Cơ quan điều tra đã cho D và anh H đối chất nhưng không có kết quả. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 10.000 đồng Ng cầm trong quá trình đếm tiền, xác định đây là tiền của nhà Ng, không phải tiền do D trộm cắp mà có nên hội đồng không đặt ra xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Giáp Văn H đã nhận lại số tiền 8.500.000 đồng do gia đình bị cáo D bồi thường. Đến nay gia đình anh H, chị L không có yêu cầu gì về phần bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Thị Vân A khi mua số vàng mà anh Q bán do D trộm cắp. Tuy nhiên chị A không biết số vàng chị mua của Q là tài sản do phạm tội mà có. Đến nay chị A yêu cầu trả lại cho chị số tiền 870.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo D và anh Q đồng ý trả cho chị A số tiền 870.000 đồng. Số tiền trên anh Q đã nộp cho cơ

quan điều tra nên Hội đồng cần chấp nhận anh Q trả cho chị A số tiền trên là phù hợp.

Bị cáo D yêu cầu bị cáo Ng trả số tiền 3.800.000 đồng, bị cáo Ng đồng ý trả lại cho bị cáo D số tiền trên. Do vậy, Hội đồng xét xử cầm chấp sự thỏa thuận trên của các bị cáo.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a, c, f, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Nguyễn Văn Ng phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Lưu Văn D.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Ng.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn D 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ng 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ng cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D, bị cáo Ng.

2.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Đinh Văn Q phải trả cho chị Nguyễn Thị Vân A số tiền 870.000 đồng (tám trăm bẩy mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền 870.000 đồng được niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu 03 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bị cáo Nguyễn Văn Ng phải trả cho bị cáo Lưu Văn D số tiền 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lưu Văn D 01 đôi dép loại dép lê quai màu đen viền đế màu đỏ, lòng đế dép màu đen; 01 mũ lưỡi trai màu đen, trên mũ có chữ PTS màu; 01 chiếc điên thoại di động Noki màu đen N1280 có số imei 355904056537339 và 01 chiếc điện thoại Xiami Redmi có số imei2 866367045617400 cũ đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

4.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c, f, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lưu Văn D, Nguyễn Văn Ng mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị O